

ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 - THẮNG LỢI CỦA Ý CHÍ, KHÁT VỌNG ĐỘC LẬP, TỰ DO, THỐNG NHẤT NON SÔNG

NGUYỄN THẮNG LỢI* - TRỊNH THỊ HỒNG HẠNH**

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đưa Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đó là thành quả cách mạng vĩ đại của dân tộc qua chặng đường đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ, là sự kế thừa và phát triển lên một tầm cao mới truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường, tinh thần bất khuất của con người Việt Nam, văn hóa Việt Nam, của sức mạnh đại đoàn kết dân tộc vì độc lập, tự do, thống nhất non sông.

Ý chí, khát vọng độc lập, tự do của dân tộc được kết tinh trong đường lối kháng chiến của Đảng

Trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã phải tiến hành các cuộc chiến tranh chống xâm lược trong điều kiện hết sức khó khăn, thường xuyên phải chiến đấu với những đế quốc hùng mạnh, đối sánh lực lượng quá chênh lệch. Quy luật khắc nghiệt của chiến tranh đã hun đúc truyền thống yêu nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng vì độc lập, tự do và yêu hòa bình của dân tộc Việt Nam.

Với khát vọng độc lập, tự do, dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân tộc ta muôn người như một vùng lên tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, lật đổ chế độ phong kiến lỗi thời, đập tan ách thống trị hà khắc của chủ nghĩa thực dân, phát-xít, lập nên nhà nước dân chủ nhân dân, xóa bỏ sự chia cắt thành ba kỳ trên lãnh thổ Việt Nam trong Liên bang Đông Dương mà thực dân Pháp lập ra. Sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và việc xóa bỏ các di tồn của chủ nghĩa thực dân đã tạo cơ sở vững chắc cho công

cuộc xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc hiện đại.

Ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố độc lập, thực dân Pháp tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai; mở rộng chiến tranh trên toàn lãnh thổ Việt Nam và tiếp tục chính sách “chia để trị”. Với mưu toan xâm lược, thực dân Pháp khước từ mọi thiện chí của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, liên tiếp phá vỡ những cơ hội có thể tìm ra giải pháp hòa bình cho Việt Nam. Khi khả năng hòa hoãn không còn, trên cơ sở thế và lực đã chuẩn bị, Đảng ta kiên quyết phát động cuộc kháng chiến toàn quốc với khí phách: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”⁽¹⁾. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, hòa bình được lập lại, miền Bắc được giải phóng;

* PGS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

** PGS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 534

song, mục tiêu thống nhất đất nước chưa hoàn thành. Dân tộc ta phải tiếp tục đấu tranh để đạt mục tiêu đó trong điều kiện mới.

Xâm lược Việt Nam (1954 - 1975) là sự tiếp tục chính sách thực dân mới của Mỹ với nhiều học thuyết qua nhiều đời Tổng thống. Từ năm 1950, đế quốc Mỹ đã chính thức can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Viện trợ của Mỹ cho cuộc chiến tăng cao qua các năm, từ 52 tỷ phò-răng năm 1950 (chiếm 19,5% tổng chi phí), lên 200 tỷ phò-răng năm 1952 (chiếm 35,4%) và đến năm 1954, năm cuối cuộc chiến tranh tăng lên 555 tỷ phò-răng (chiếm 73,9%).

Chiến tranh xâm lược Việt Nam trước hết và căn bản khởi phát từ lợi ích bên trong của các nước đế quốc, từ chiến lược toàn cầu của Mỹ mà căn nguyên sâu xa là xuất phát từ bản chất chế độ chính trị. Trong bối cảnh lịch sử mới, chiến tranh ở Việt Nam đối với Mỹ có vị trí quan trọng: là nơi thử thách vai trò, sức mạnh to lớn của một đế quốc hàng đầu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Những thế lực cầm quyền ở nước Mỹ khi đó đã bất chấp luật pháp quốc tế, không tính đến chủ quyền, độc lập, thống nhất của dân tộc Việt Nam, dùng sức mạnh quân sự hùng đạt kỳ được mục tiêu chiến lược của mình. Mỹ đã tiến hành cuộc chiến dài ngày (222 tháng), tốn kém và vô cùng ác liệt đối với dân tộc Việt Nam; đã tiêu tốn vào cuộc chiến 676 tỷ USD⁽²⁾; 6,6 triệu lượt binh lính Mỹ tham chiến ở Việt Nam; tỷ lệ huy động tham chiến đối với các quân chủng là: 70% lục quân, 60% lính thủy đánh bộ, 40% hải quân, 60% không quân; huy động trên 72 nghìn quân⁽³⁾ từ các nước đồng minh của Mỹ⁽⁴⁾. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam trở thành nơi thử nghiệm những vũ khí mới nhất, với khối lượng lớn bom đạn, chất độc hóa học, chất độc da cam, đốt phá và giết hại cả dân thường. Từ năm 1961 đến năm 1971, quân Mỹ đã tiến hành 19.905 phi vụ, phun rải khoảng 80 triệu lít chất độc hóa học⁽⁵⁾.

Đế quốc Mỹ và tay sai tiến hành chiến dịch dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào miền Bắc di cư vào Nam, với mưu đồ thâm độc: Tạo dư luận xấu về chế độ xã hội ở miền Bắc nhằm ngăn chặn

sự ủng hộ của nhân dân thế giới đối với cuộc đấu tranh thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam; tạo ảnh hưởng xấu hòng ngăn chặn ảnh hưởng của cách mạng Việt Nam ở vùng Đông Nam Á; tạo ra chỗ dựa xã hội, tăng thêm nguồn lực để xây dựng, củng cố chính quyền tay sai. Hành động này không chỉ làm sâu thêm sự chia cắt lãnh thổ Việt Nam đã bị các thế lực thực dân, đế quốc tạo ra từ trước đó, mà còn chia cắt dân tộc Việt Nam, gây chia rẽ về xã hội, về tôn giáo, chia ly nhiều dòng họ, gia đình.

Nhằm đạt mục tiêu hòa bình, thống nhất đất nước, Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã nghiêm chỉnh chấp hành Hiệp định Giơ-ne-vơ. Song, đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai, ngay từ đầu đã phá bỏ Hiệp định. Chính quyền Ngô Đình Diệm thẳng tay bắt bớ, truy bức, giết hại những người yêu nước ở khắp miền Nam, từ thành thị đến nông thôn. Dù vậy, trong những năm 1954 - 1959, Đảng ta vẫn kiên trì *không đấu tranh vũ trang để thống nhất đất nước*. Sự thắc mắc, hoài nghi đường lối của Đảng xuất hiện trong không ít cán bộ, đảng viên, quần chúng muốn đấu tranh vũ trang ngay. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định hòa bình, thống nhất nước nhà là nguyện vọng tha thiết, phải tranh thủ mọi thời cơ để thống nhất một cách hòa bình. Đầu

(2) Theo số liệu của Viện Quốc tế nghiên cứu chiến tranh (IISS) Luân Đôn, chi phí cho chiến tranh lên tới 720 tỷ USD. Xem: Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975 Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 496

(3) Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975 Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 508

(4) Nam Triều Tiên, Phi-líp-pin, Ô-xtrây-li-a, Thái Lan, Niu Di-lân

(5) 61% trong số đó là chất da cam, chứa 366kg di-ô-xin xuống gần 26.000 thôn, bản, với diện tích hơn 3,06 triệu héc-ta; trong đó 86% diện tích bị phun rải hơn hai lần, 11% diện tích bị phun rải hơn 10 lần (Xem: *Nỗi đau da cam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012, tr. 21)

tranh vũ trang chỉ buộc phải thực hiện khi không còn con đường nào khác.

Trước bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước diễn biến phức tạp, việc xác định đường lối thống nhất đất nước là một quá trình lâu dài, khó khăn. Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 1-1959)⁽⁶⁾ hoạch định hai nhiệm vụ chiến lược: “Hai nhiệm vụ chiến lược đó tuy tính chất khác nhau, nhưng quan hệ hữu cơ với nhau, song song tiến hành, ảnh hưởng sâu sắc lẫn nhau, trợ lực mạnh mẽ cho nhau, nhằm phương hướng chung là giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà, tạo điều kiện thuận lợi để đưa cả nước Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội”⁽⁷⁾. Hai miền Bắc - Nam tiến hành đồng thời hai cuộc cách mạng, nhưng cùng nhằm mục tiêu chung là chống chiến tranh xâm lược thực dân mới, bảo vệ hậu phương lớn, tất cả cho tiền tuyến lớn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đường lối đó đáp ứng nguyện vọng thiết tha của mọi người Việt Nam yêu nước, đã động viên, tổ chức được lực lượng kháng chiến của cả nước, của toàn dân tộc. Với ý chí quyết tâm mạnh mẽ, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền Bắc - Nam đồng lòng, biến quyết tâm ấy thành hiện thực. Nghị quyết số 15 đưa đến cuộc *Đồng khởi* vĩ đại, đánh dấu bước ngoặt lớn của cách mạng miền Nam.

Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm nhận rõ kẻ thù, đánh giá đúng tương quan lực lượng địch - ta, có chủ trương, quyết sách phù hợp, đánh bại địch từng bước, giành thắng lợi quyết định, rồi tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Đường lối chiến lược, phương thức tiến hành chiến tranh trong từng giai đoạn của cuộc kháng chiến đều nhất quán mục tiêu chiến lược là độc lập, tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Việt Nam đã vượt qua những ảnh hưởng tiêu cực của chủ nghĩa xét lại, giáo điều, luận giải sáng rõ và giải quyết thành công nhiều vấn đề mới đặt ra. Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bước vào giai đoạn cam go, ác liệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập Hội nghị Chính trị đặc biệt (tháng 3-1964) - “Hội nghị Diên Hồng” thời chống Mỹ, biểu thị quyết tâm của cả dân tộc. Một

lần nữa Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng toàn dân tộc nêu cao quyết tâm gang thép “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Nhờ đó, toàn Đảng, toàn quân và nhân dân ta đã vượt qua khó khăn, thử thách khắc nghiệt. Cùng với hoạch định đường lối kháng chiến, Đảng lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố căn cứ, hậu phương, động viên quyết tâm kháng chiến của toàn dân, nêu bật tính chất chính nghĩa của ta, tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược của kẻ thù, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của thế giới. Lựa chọn thời cơ, thời điểm, địa bàn, cách đánh thích hợp và sáng tạo..., động viên khí thế và củng cố niềm tin cho nhân dân cả nước, thúc đẩy cực diện cách mạng phát triển thuận lợi trong các giai đoạn sau; tránh bị cô lập, bị kẻ thù bao vây ngay từ bước mở đầu.

Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt ở chiến trường miền Nam Tết Mậu Thân năm 1968 là một chủ trương táo bạo và sáng tạo của Đảng, đánh thẳng vào ý chí xâm lược của giới cầm quyền Mỹ, làm đảo lộn thế bố trí chiến lược của quân Mỹ, tạo bước ngoặt quyết định trong cuộc kháng chiến. Năm 1972, sự chỉ đạo của Đảng thể hiện tính độc lập, tự chủ và sáng tạo trên các mặt đấu tranh quân sự và ngoại giao, giành thắng lợi quân sự quyết định trên chiến trường, buộc Mỹ phải chấp nhận các điều kiện đàm phán. Đây là bước phát triển mới về nghệ thuật chỉ đạo các tình huống chiến lược trong chiến tranh, nắm thời cơ, chỉ đạo kiên quyết và linh hoạt, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (tháng 1-1973), rút hết lực lượng quân sự Mỹ và đồng minh ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, trước tình hình trong nước và quốc tế rất phức tạp, Đảng kịp thời xác định đúng con đường tiến lên của cách mạng miền Nam, đẩy mạnh phát triển lực lượng, nhạy bén phát hiện thời cơ

(6) Hội nghị họp 2 đợt tại Hà Nội, đợt 1 từ ngày 12 đến ngày 22-1-1959, đợt 2 từ ngày 10 đến ngày 15-7-1959

(7) *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 20, tr. 62

chiến lược, hạ quyết tâm chiến lược kịp thời, chính xác giải phóng miền Nam. Hội nghị Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng (từ ngày 30-9 đến ngày 9-10-1974) quyết định *giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976*. Ngoài kế hoạch chiến lược cơ bản hai năm, Bộ Chính trị dự kiến phương án *nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975*.

Bám sát diễn biến và dự đoán chính xác xu thế vận động của tình hình chiến trường, Đảng đã liên tục bổ sung quyết tâm chiến lược, chỉ trong vòng hai tuần (từ ngày 18-3 đến ngày 31-3-1975) - *ba lần thay đổi thời gian, từ kế hoạch hai năm đến kế hoạch giải phóng miền Nam ngay trong tháng 4 năm 1975*⁽⁸⁾. Đây là quyết định dũng cảm và khoa học, là thành công nổi bật, xuất sắc về chỉ đạo chiến tranh và nghệ thuật quân sự. Những quyết định đó được hình thành dựa trên thế tiến công vũ bão và thắng lợi dồn dập từ sau chiến thắng Buôn Mê Thuột (ngày 10-3-1975), chiến dịch Tây Nguyên, Trị Thiên và Khu V, giải phóng duyên hải miền Trung. Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định giành thắng lợi hoàn toàn vào trưa ngày 30-4-1975. Ngày 1-5-1975, toàn bộ đồng bằng sông Cửu Long và các hải đảo (trừ Hoàng Sa) được giải phóng. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam toàn thắng.

Khát vọng độc lập, tự do, thống nhất nọp sông tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

Sức mạnh làm nên thắng lợi mùa Xuân năm 1975 là sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân tộc, sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại. Mục tiêu cao cả của chiến tranh cách mạng là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, đã thu hút rộng rãi nhân dân ở mọi lứa tuổi, dân tộc, tôn giáo và giai tầng xã hội... vào cuộc đấu tranh chính nghĩa của dân tộc. Đường lối đúng đắn thể hiện khát vọng giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước, sự lãnh đạo của Đảng đã được toàn dân tin theo, cuộc chiến tranh giải phóng được cả

loài người tiến bộ đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ to lớn về vật chất và tinh thần. Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, ý chí quyết tâm là động lực tinh thần to lớn cho những hành động dũng cảm, kiên cường, vượt qua mọi khó khăn ác liệt, hy sinh trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, lao động sản xuất.

Sức mạnh chính trị - tinh thần được phát huy cao độ, như nguyên tắc xây dựng Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946 nêu rõ: *Đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo. Đảm bảo các quyền tự do dân chủ. Thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân*, là cơ sở pháp lý cao nhất cho khối đoàn kết thống nhất quốc gia - dân tộc trong cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc.

Qua 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, Đảng đã giải quyết thành công nhiều vấn đề về đường lối, phương pháp cách mạng, phương thức tiến hành chiến tranh, một cuộc chiến tranh nhân dân vừa mang tính chất giải phóng, vừa mang tính chất bảo vệ Tổ quốc. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài. Một lần nữa tư tưởng “tự lực cánh sinh là chính” từ trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, trở thành phương châm chiến lược. Nhân dân Việt Nam đã động viên cao nhất sức người, sức của cho chiến trường. Trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa, khẩu hiệu: “Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”, “Tất cả cho tiền tuyến”,... đã trở thành lời hiệu triệu tha thiết, tạo nên những phong trào thi đua mạnh mẽ, mang lại hiệu quả thiết thực. Trong những năm tháng ác liệt nhất, khi chiến tranh lan rộng trên cả hai miền, miền Bắc vẫn đảm đương xuất sắc vai trò của hậu phương lớn, “thóc không thiếu một cân, quân

(8) Ngày 18-3-1975, Bộ Chính trị quyết định giải phóng miền Nam trong năm 1975. Tiếp đó, ngày 25-3-1975, Bộ Chính trị quyết định giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975, và ngày 31-3-1975, Bộ Chính trị quyết định giải phóng miền Nam trong tháng 4-1975

không thiếu một người”. Miền Bắc dốc sức, chuyên kịp thời lực lượng, vật chất cho tiền tuyến lớn miền Nam. Khối lượng hàng hóa, vũ khí, đạn dược từ miền Bắc được chuyển vào miền Nam tăng nhanh trong những năm cuối của cuộc kháng chiến. Trong hai năm 1973 - 1974, miền Bắc chi viện khoảng 379 nghìn tấn vật chất cho miền Nam, bằng 54% tổng khối lượng vật chất đưa vào chiến trường trong 16 năm trước đó. Đáp ứng yêu cầu vận chuyển, các tuyến giao thông vận tải được tăng cường xây dựng, phát triển và hoàn thiện. Đền trước ngày mở màn chiến dịch giải phóng Buôn Mê Thuột, tuyến đường vận tải xăng dầu bảo đảm cung cấp cho hơn 10 nghìn xe vận tải, liên lạc hoạt động, gần 10 nghìn xe hơi và xe xích của các binh đoàn cơ động vào chiến trường. Để có được những kỳ tích đó, trên 20 nghìn người đã hy sinh, gần 30 nghìn người bị thương. Năm 1975 - năm cuối của cuộc kháng chiến, nhân lực động viên theo nhu cầu quốc phòng chiếm tới 30% lực lượng lao động xã hội miền Bắc⁽⁹⁾; 60 - 65% trong số đó vào lực lượng vũ trang. Giai đoạn 1973 - 1975, 50% quân số bộ đội tập trung ở miền Nam là lực lượng từ miền Bắc tăng cường. Trên 80% quân số, 81% vũ khí, 60% xăng dầu, 65% thuốc men, 85% xe vận tải trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 là từ miền Bắc đưa vào.

Tổ chức lực lượng chiến đấu trong cả nước, Đảng hết sức coi trọng việc xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng ở miền Nam. Các đảng bộ được củng cố, tôi luyện thành những bộ tham mưu dày dặn trên tiền tuyến lớn; là khối liên minh công nông; là đội quân chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân, hai lực lượng chiến đấu cơ bản trong chiến tranh cách mạng; là Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, mặt trận yêu nước bao gồm các đoàn thể của công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, học sinh, trí thức, các tổ chức tôn giáo và đại biểu các dân tộc; liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam quy tụ phong trào đấu tranh yêu nước của giới sinh viên, học sinh, trí thức, đồng bào tôn giáo, công nhân, thương gia, nhân sĩ dân chủ tại các đô

thị miền Nam; là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, cùng với Mặt trận Dân tộc giải phóng động viên và tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân miền Nam đấu tranh vì hòa bình, thống nhất đất nước, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ ngày càng rộng rãi của nhân dân và chính phủ nhiều nước trên thế giới.

Nhân dân Việt Nam không những đấu tranh vì lợi ích sống còn của dân tộc, mà còn gánh vác sứ mệnh lịch sử của người chiến sĩ xung kích trong cuộc đấu tranh chung của nhân dân các dân tộc trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Để chiến thắng trong cuộc đọ sức đấu lịch sử này, nhân dân Việt Nam không thể chiến đấu đơn độc, không thể phát huy hết tiềm năng và nguồn lực, nếu không gắn sự nghiệp chính nghĩa của dân tộc với các trào lưu cách mạng và tiến bộ xã hội của thời đại. Nhận rõ vai trò của sức mạnh thời đại, Đảng chủ trương kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, tranh thủ mạnh mẽ sự ủng hộ của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân nước đối phương; đặc biệt xây dựng liên minh chiến lược - chiến đấu với Lào và Cam-pu-chia. Phong trào nhân dân thế giới ủng hộ nhân dân Việt Nam chống Mỹ xâm lược được hình thành từ cuối năm 1964, đã nhanh chóng mở rộng, phát triển mạnh mẽ từ khi đế quốc Mỹ đưa quân vào miền Nam và dùng không quân, hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam. Phong trào nhân dân thế giới chống cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam trở thành lực lượng chính trị hùng hậu, tác động sâu sắc đến chính sách và thái độ của nhiều chính phủ trên thế giới đối với vấn đề chiến tranh Việt Nam. Các nước phương Tây xa dần lập trường chiến tranh của Mỹ. Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân, Phi-líp-pin rút khỏi chiến tranh Việt Nam. Trên thế giới, nhiều đoàn đại biểu các nước, các đảng, các tổ chức tiến bộ từ châu Á, châu Phi, châu Âu, châu Mỹ đã đến Việt Nam bày tỏ tình đoàn kết, sự ủng

(9) Dân số trung bình ở miền Bắc năm 1974 là 23.945.000 người; năm 1975 là 24.547.000 người (cả nước là 47.638.000 người)

hộ, giúp đỡ. Chưa bao giờ trên thế giới có một phong trào ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của một dân tộc lại có quy mô rộng lớn như phong trào quốc tế ủng hộ nhân dân Việt Nam trong thời kỳ chống Mỹ xâm lược. Phong trào nhân dân thế giới chống đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam và phong trào phản chiến của nhân dân Mỹ đã đánh mạnh vào chính sách xâm lược của chính quyền Mỹ.

Chủ tịch Cu-ba Phi-đen Cát-xơ-rô, trong một lần thăm Việt Nam, đã nói: “Tôi đã đọc lịch sử chiến tranh. Từ trước đến nay chưa từng có một cuộc chiến tranh nào mà một nước nhỏ, kinh tế lạc hậu như Việt Nam mà vẫn đánh thắng Pháp và Mỹ. Đó là vô song. Trên thế giới chưa từng có. Trong lịch sử chưa từng thấy”. Mác Na-ma-ra, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, thừa nhận: “Sức mạnh sâu thẳm nhất của một dân tộc không nằm ở mũi nhọn quân sự mà ở sự đoàn kết của dân tộc”. “Chúng ta đánh giá thấp sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc thúc đẩy một dân tộc... đấu tranh và hy sinh cho lý tưởng và các giá trị của nó...”⁽¹⁰⁾. Trả lời phỏng vấn của đặc phái viên Đô-mi-ni-cơ Ba-ri ngày 5-4-2004 trên nhật báo *L'Humanité* (Nhân đạo) của Pháp, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói: “Tôi từng nói với McNamara hồi năm 1995 rằng, các ngài đánh chúng tôi bằng những vũ khí tối tân, máy bay, vũ khí hóa học nhưng các ngài không hiểu về nhân dân chúng tôi, những người khao khát độc lập tự do và muốn làm chủ đất nước, làm chủ dân tộc”⁽¹¹⁾.

Độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc là khát vọng, ý chí của toàn dân tộc Việt Nam suốt mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước. Truyền thống văn hóa Việt Nam là chuộng hòa hợp, khoan dung, hòa hiếu, tự tôn, tự hào dân tộc nhưng khi đã phải cầm vũ khí chiến đấu, người Việt Nam sẽ chiến đấu đến cùng. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là kết quả hợp thành của những nhân tố cơ bản đó và nhân lên sức mạnh tổng hợp dưới sự lãnh đạo của Đảng - “Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động,... Đảng của dân tộc Việt Nam”⁽¹²⁾. Đường lối cách mạng của Đảng là sự kết tinh giá trị dân tộc và thời đại, ý Đảng, lòng dân. Đó là thắng lợi lịch sử của

toàn dân tộc, của cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước, Bắc - Nam sum họp một nhà. Thắng lợi vĩ đại ấy cùng cố và phát triển thành quả nhân dân ta đã giành được từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đất nước hòa bình, độc lập, thống nhất về lãnh thổ, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. Chế độ chính trị vững mạnh do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo với một Nhà nước thống nhất là điều kiện tiên quyết để phát huy các tiềm năng, tạo nên sức mạnh mới, mở ra những tiền đề cơ bản cho hòa hợp, đoàn kết dân tộc, bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bôn mươi lăm năm đất nước hòa bình, thống nhất đã có biết bao đổi thay. Dân số, tiềm lực kinh tế, quốc phòng tăng lên, an ninh chính trị ổn định, Việt Nam trở thành quốc gia có vị thế mới, có uy tín ngày càng cao trên trường quốc tế. Nhưng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia cũng đứng trước những thách thức mới, luôn rất cần sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế. Ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập, tự do và thống nhất đất nước của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta được khẳng định trong lịch sử chiến tranh cách mạng, tiếp tục được bồi đắp trong hòa bình, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mà đỉnh cao là Đại thắng mùa Xuân năm 1975 mãi mãi là bản thiên anh hùng ca, biểu tượng của khát vọng độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, là sức mạnh niềm tin và là hành trang cho dân tộc Việt Nam vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức, đi đến thắng lợi mới trong tương lai. □

(10) Robert S.McNamara: *Nhìn lại quá khứ. Tản tâm kịch và những bài học về Việt Nam*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 316

(11) Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: Vị tướng của hòa bình, 8-10-2013, <http://petrotimes.vn/dai-tuong-vo-nguyen-giap-vi-tuong-cua-hoa-binh-135729.html>

(12) *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t. 12, tr. 38